

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 152/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 40/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 2239/QĐ-TTg, Quyết định số 326/QĐ-TTg, Quyết định số 328/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 52/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 185/KH-UBND và Kế hoạch số 13/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thực hiện các chỉ tiêu về đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về đào tạo nghề; tăng cường công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong hệ thống giáo dục; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, tạo việc làm, tăng năng suất lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; góp phần cung ứng nguồn nhân lực phục vụ các sự kiện, nhiệm vụ phát triển của tỉnh, trong đó có Hội nghị APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận và tham gia các chương trình đào tạo nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề; nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tạo việc làm, cải thiện thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và cộng đồng doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, đào tạo nghề; ngành, nghề đào tạo phải đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương.

- Thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp đúng quy định của pháp luật; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường công tác truyền thông về đào tạo nghề, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới phương thức tuyển sinh và tổ chức đào tạo nhằm thu hút người học; tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động.

- Bảo đảm đầy đủ các điều kiện tổ chức đào tạo; nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người học theo quy định; phấn đấu người học sau tốt nghiệp có việc làm hoặc tự tạo việc làm, vận dụng được kỹ năng nghề đã được đào tạo vào thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nghề theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại và hội nhập, gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trọng tâm là các lĩnh vực kinh tế biển, du lịch quốc tế, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số. Hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đáp ứng nhu cầu học nghề của người dân trên địa bàn, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; đổi mới chương trình, phương thức đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

- Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, thu nhập và đời sống nhân dân, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phân tầng chất lượng và chuyên sâu theo nhóm ngành, nghề; gắn với nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phấn đấu hoàn thành chuyển đổi 100% trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đủ điều kiện thành trường trung học nghề; bảo đảm phân bổ hợp lý theo địa bàn, tránh trùng lặp ngành, nghề đào tạo.

- Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn kiểm định chất lượng và chuẩn quốc gia; trong đó khoảng 20% cơ sở được đầu tư theo hướng hiện đại, tiệm cận trình độ các nước phát triển trong khu vực châu Á; đào tạo 22 ngành, nghề trọng điểm, có ít nhất 03 ngành, nghề đạt năng lực

cạnh tranh trong khu vực ASEAN và có 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận là trường chất lượng cao.

- Nâng cao quy mô và chất lượng đào tạo, bảo đảm tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%; tỷ lệ lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên đạt 24%; thu hút từ 30% đến 50% học sinh hoàn thành trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia hệ thống giáo dục nghề nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

- Bình quân hằng năm đào tạo 40.000 người tham gia các chương trình giáo dục nghề nghiệp (cao đẳng, trung cấp, trung học nghề, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác); trong đó đào tạo nghề phi nông nghiệp chiếm khoảng 70%, nghề nông nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn chiếm khoảng 30%. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt khoảng 79%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 35% theo mục tiêu của Nghị quyết số 52/NQ-HĐND.

- Bảo đảm tỷ lệ lao động nông thôn là nữ được đào tạo nghề đạt trên 45%; người khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ học nghề và tạo việc làm chiếm khoảng 4%; người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp điều kiện đặc thù vùng dân tộc thiểu số đạt khoảng 70%; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt tối thiểu 85%, góp phần nâng cao thu nhập và phát triển sinh kế bền vững.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội và người dân về vai trò của đào tạo nghề đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước thành kế hoạch hằng năm về đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Xác định đào tạo nghề là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nguồn nhân lực nông thôn; đưa chỉ tiêu đào tạo nghề và giải quyết việc làm vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí đánh giá thi đua của địa phương.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về vai trò của đào tạo nghề thông qua hệ thống thông tin truyền thông, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và các hoạt động sinh hoạt cộng đồng; xây dựng chuyên mục, phóng sự về các mô hình học nghề hiệu quả trên phương tiện truyền thông. Nội dung tuyên truyền phù hợp với

đặc điểm vùng nông thôn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; lồng ghép với phong trào xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, học nghề và khởi nghiệp đến tận xã, ấp; ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và lao động bị thu hồi đất sản xuất. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp có nhiều đóng góp trong công tác đào tạo nghề và tạo việc làm.

2. Tổ chức, sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tổ chức sắp xếp, rà soát, đánh giá toàn diện năng lực của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị, ngành nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh và hiệu quả đầu ra) làm căn cứ phân tầng, xác định chức năng và giao chỉ tiêu phù hợp, tránh dàn trải, trùng lặp ngành nghề. Thực hiện điều tiết chỉ tiêu tuyển sinh theo năng lực thực tế của từng đơn vị, gắn với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung đầu tư có trọng điểm một số cơ sở đủ điều kiện để hình thành các trường Trung học nghề. Đồng thời, rà soát, sắp xếp lại các đơn vị quy mô nhỏ, hoạt động kém hiệu quả theo hướng sáp nhập, liên kết hoặc chuyển đổi chức năng phù hợp. Song song đó, xây dựng cơ chế điều chuyển, luân chuyển, thỉnh giảng giáo viên giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm khắc phục tình trạng thừa - thiếu cục bộ; xây dựng cơ chế dùng chung thiết bị thực hành, xưởng thực tập theo cụm, vùng, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo toàn hệ thống.

3. Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn bảo đảm đồng bộ, sát thực tiễn và phù hợp điều kiện phát triển của tỉnh; ưu tiên hỗ trợ đối với lao động chuyển đổi nghề do tái cơ cấu nông nghiệp, người có đất bị thu hồi, lao động là đồng bào dân tộc thiểu số, lao động mất việc hoặc có nguy cơ mất việc do dịch bệnh, biến đổi khí hậu và tác động của chuyển đổi số, Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Chính sách hỗ trợ gắn đào tạo với tạo việc làm, sinh kế bền vững và giảm nghèo lâu dài.

- Hoàn thiện cơ chế khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, nghệ nhân, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề và tiếp nhận lao động sau đào tạo; mở rộng hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo tại doanh nghiệp và gắn hỗ trợ kinh phí với cam kết giải quyết việc làm. Việc triển khai bảo đảm phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu học nghề, việc làm cho lao động nông thôn

- Tổ chức điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu thị trường lao động làm căn cứ xây dựng danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc khảo sát xác định rõ nhu cầu học nghề theo từng ngành, khu vực, trình độ đào tạo; đồng thời đánh giá nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, hợp tác xã và các ngành kinh tế về số lượng, cơ cấu nghề và trình độ kỹ năng.

- Rà soát, đánh giá năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn về mạng lưới, ngành nghề, chương trình – học liệu, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và khả năng phối hợp đào tạo tại doanh nghiệp; trên cơ sở đó sắp xếp, phân công ngành nghề theo hướng chuyên sâu, tránh trùng lặp, bảo đảm đáp ứng sát nhu cầu thị trường lao động nông thôn.

5. Nâng cao chất lượng các điều kiện đảm bảo hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Nâng cao chất lượng các điều kiện bảo đảm đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng hiện đại, thiết thực, gắn với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung xây dựng, cập nhật chương trình, giáo trình, học liệu theo chuẩn đầu ra; ưu tiên các nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số, cơ giới hóa đồng bộ và nghề phục vụ phát triển hợp tác xã. Xây dựng, rà soát, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật và yêu cầu năng lực người học phù hợp với thực tiễn sản xuất và công nghệ mới.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo thông qua số hóa chương trình, xây dựng thư viện học liệu mở, bài giảng điện tử, bài giảng mô phỏng dùng chung; thí điểm mô hình đào tạo từ xa tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện cho người lao động chủ động tiếp cận học nghề. Từng bước hình thành cơ sở dữ liệu đào tạo nghề thống nhất, phục vụ quản lý, chia sẻ và khai thác hiệu quả nguồn học liệu.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng an toàn vệ sinh lao động, kỹ năng kinh doanh và khởi nghiệp cho nhà giáo, người dạy nghề; đồng thời nâng cao năng lực quản lý đào tạo tại doanh nghiệp. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo lưu động cho các cơ sở công lập, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư, xã hội hóa nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

6. Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn theo nhu cầu thị trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung đào tạo phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hợp tác xã, làng nghề; đào tạo chuyển đổi nghề, đào tạo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đồng thời bồi dưỡng kỹ năng nghề, kỹ năng số để người lao động có việc làm bền vững, thu nhập ổn định.

- Chú trọng hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo nghề khác (dưới 3 tháng) cho các nhóm đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người có đất bị thu hồi, ngư dân, lao động vùng đặc biệt khó khăn và lao động bị mất việc làm do dịch bệnh, biến đổi khí hậu. Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, thiết thực, gắn đào tạo với giải quyết việc làm và sinh kế lâu dài.

- Đa dạng hóa hình thức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo phương thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao trình độ phù hợp điều kiện thực tế. Tiếp tục triển khai mô hình đào tạo nghề gắn với bổ sung kiến thức văn hóa trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đào tạo trung học nghề cho thanh niên nông thôn, đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp và thị trường lao động.

7. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã trong tổ chức đào tạo và tạo việc làm cho lao động nông thôn

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng mô hình liên kết đào tạo theo vùng, lĩnh vực (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, dịch vụ, du lịch,...); thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm và doanh nghiệp trong cung cấp thông tin, tư vấn, tuyển sinh và giới thiệu việc làm.

- Huy động doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; phối hợp tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng và cam kết tuyển dụng việc làm sau tốt nghiệp. Đồng thời, phối hợp xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ năng nghề, tham gia đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng nghề của người lao động gắn với cơ chế tiền lương, sử dụng và đãi ngộ lao động có kỹ năng, bảo đảm đào tạo sát nhu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

8. Hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận tiêu chuẩn kỹ năng nghề tiên tiến và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Đẩy mạnh liên kết với các đối tác nước ngoài trong chuyển giao chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần nâng cao thu nhập và hội nhập quốc tế cho người lao động nông thôn.

- Chủ động tham gia các chương trình, dự án, diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; mở rộng hợp tác song phương, đa phương trong đào tạo, đánh giá và công nhận kỹ năng nghề. Việc triển khai bảo đảm phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động.

9. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Kế hoạch

- Xây dựng tiêu chí đánh giá việc thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bảo đảm cụ thể, định lượng và phù hợp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các sở, ngành và địa phương; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện chỉ tiêu đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; hằng năm tổ chức giao ban theo từng vùng, địa bàn trọng điểm để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay trong đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn viện trợ, tài trợ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định, bao gồm: Học phí; thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê, khai thác tài sản công và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo nghề và đào tạo nghề lao động nông thôn hằng năm; phối hợp các sở và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của các nghề theo quy định; xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về đào tạo nghề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

- Chủ trì tổng hợp và thẩm định hoặc có ý kiến đối với các danh mục, nội dung kinh phí thực hiện; tổng hợp kinh phí thực hiện chi tiết theo từng cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chế độ, định mức quy định và khả năng cân đối ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia học nghề; xây dựng và triển khai cơ chế liên thông giữa chương trình đào tạo nghề với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân, bảo đảm tính mở, linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo sơ kết hằng năm, tổng kết giai đoạn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở số liệu tổng hợp và đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn Trung ương bổ sung (nếu có) và ngân sách địa phương theo khả năng cân đối nguồn lực theo phân kỳ, trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên, kinh phí thực hiện chương trình, dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác truyền thông về đào tạo nghề và các chính sách liên quan. Cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động theo ngành nghề, vị trí việc làm, mức lương của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; phối hợp tổ chức sàn giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề; theo dõi, nắm tình hình triển khai thực hiện các chính sách đào tạo nghề đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; kịp thời tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch trong các chương trình mục tiêu quốc gia như: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tham mưu phân bổ kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ đào tạo và tạo điều kiện cho lao động nông thôn tham gia học nghề.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo vào hoạt động đào tạo nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

7. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, yêu cầu các sở, ban, ngành và đề nghị các đoàn thể tỉnh chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về đào tạo nghề vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của ngành, lĩnh vực phụ trách. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động người lao động tham gia đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các mô hình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo nghề khác gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã và nhu cầu thị trường lao động; ưu tiên vận động các nhóm đối tượng chính sách, lao động yếu thế tham gia học nghề.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đào tạo nghề trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định..

9. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị để xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo hằng năm; đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp; tổ chức đào tạo đúng quy định và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo; bảo đảm đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn, cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ đào tạo; đổi mới phương thức tuyển sinh, phương pháp giảng dạy và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy.

- Phối hợp với doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm trong tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tuyển sinh, tốt nghiệp và hỗ trợ đào tạo nghề gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Đề nghị các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động

- Chủ động cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo, bao gồm số lượng, ngành nghề, vị trí việc làm, tiêu chuẩn kỹ năng, mức lương và điều kiện làm việc theo từng thời kỳ để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học sinh, sinh viên thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; tham gia xây dựng, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; cử cán bộ kỹ thuật tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành và hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp về thiết bị, nguyên vật liệu thực hành, chuyển giao công nghệ khi có điều kiện.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các

sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP;
- P. KGVX;
- Lưu: VT, vttkieu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy